

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM SÁCH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/DS-ST
Ngày: 03/8/2018
V/v Tranh hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH - HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Thu Thúy;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Hữu Luật, bà Trần Thị Luận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Thị La - Kiểm sát viên.

-Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà - Thư ký Tòa án.

Ngày 03 tháng 8 năm 2018 tại nhà văn hóa khu N, thị trấn N, huyện S, tỉnh Hải Dương, Toà án nhân dân huyện Nam Sách mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/2018/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Bá H - sinh năm 1954;

Địa chỉ: Thôn A, xã S, huyện N, tỉnh Hải Dương. Có mặt

- Bị đơn: Anh Phạm Văn M - sinh năm 1974 và chị Nguyễn Thị H - sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn A, xã S, huyện N, tỉnh Hải Dương (Anh M ủy quyền cho chị H) Vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1955; Địa chỉ: Thôn A, xã S, huyện N, tỉnh Hải Dương (bà L ủy quyền cho ông Nguyễn Bá H). Bà L vắng mặt, ông H có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn ông Nguyễn Bá H trình bày:

Ngày 30/12/2015 (âm lịch) vợ chồng ông cho vợ chồng anh Phạm Văn M, chị Nguyễn Thị H vay số tiền 60.000.000đ, chị H đã nhận đủ tiền và viết giấy biên nhận

giao cho vợ chồng ông, thỏa thuận khi nào vợ chồng ông cần tiền sẽ báo trước và vợ chồng anh M phải trả, vay phải chịu lãi, lãi xuất 1,2%/tháng, 3 tháng trả tiền lãi 1 lần. Nội dung thỏa thuận về thời hạn vay, lãi chỉ thỏa thuận miệng, không ghi vào giấy vay tiền. Ngày 02/7/2016 chị H trả 15.000.000đ tiền gốc theo yêu cầu của ông, còn lại 45.000.000đ tiền gốc. Về tiền lãi chị H đã trả lãi cho ông đến hết tháng 9/2016 (âm lịch) sau đó không trả lãi nữa. Tháng 9/2017 vợ ông bị ốm phải đi điều trị bệnh, ông yêu cầu chị H trả tiếp cho ông 10 triệu đồng tiền gốc nhưng chị H không trả, sau đó ông liên tục sang nhà chị H yêu cầu vợ chồng chị H trả lại vợ chồng toàn bộ tiền gốc và tiền lãi còn lại nhưng chị H không trả. Do bức xúc nên ông và một số người khác trong thôn đã làm đơn gửi đến công an xã, công an huyện tố cáo hành vi của vợ chồng chị H. Ngày 9/11/2017 Công an huyện N có văn bản trả lời xác định không có dấu hiệu tội phạm, UBND xã cũng tiến hành hòa giải nhưng không thành. Tại đơn khởi kiện ông yêu cầu vợ chồng chị H phải trả cho vợ chồng ông toàn bộ số tiền gốc là 45.000.000đ và tiền lãi phát sinh theo mức lãi xuất 1,2%/tháng tính từ ngày 15/11/2016 và phải tiếp tục trả lãi cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ gốc.

Theo biên bản ghi lời khai bị đơn chị Nguyễn Thị H (anh M ủy quyền cho chị H) trình bày:

Khoảng 3 năm trước do cần vốn làm ăn nên vợ chồng chị có vay tiền của ông H cụ thể: Năm 2014 vay 40 triệu đồng, ngày 30/12/2015 (âm lịch) vay tiếp 20.000.000đ, tổng bằng 60.000.000đ. Cùng ngày hôm đó hai bên đã chốt số nợ gốc và chị đã viết giấy biên nhận giao cho ông H, chị xác nhận tờ giấy vay tiền do ông nộp cho Tòa án theo đơn khởi kiện là đúng. Mục đích vay tiền là để làm vốn kinh doanh cho gia đình nhưng khi giao dịch, nhận tiền thì chỉ có mình chị, chồng chị có biết và cũng nhất trí. Khi vay tiền chị và vợ chồng ông H không thỏa thuận rõ thời hạn trả mà chỉ thỏa thuận khi nào ông H cần tiền sẽ thông báo, thỏa thuận vay phải trả lãi, lãi suất là 1,2%/tháng, tiền lãi trả theo quý. Tháng 6/2016 (âm lịch) chị trả cho ông H 15.000.000đ tiền gốc còn nợ lại 45.000.000đ. Sau đó ông H cũng không yêu cầu chị trả tiền gốc nữa, đến tháng 6/2017 bà L vợ ông H có nhắc chị trả tiền. Đến tháng 8 hoặc tháng 9/2017 ông H và một số người khác trong thôn đã làm đơn đòi tiền chị gửi đến UBND xã, công an xã và còn tố cáo vợ chồng chị lừa đảo đến Công an huyện. Về tiền lãi: thời gian đầu chị trả lãi cho ông H đầy đủ chỉ từ tháng 10/2016 (âm lịch) tức 11/2016 (dương lịch) chị chưa trả lãi. Đến nay ông H khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị phải trả lại vợ chồng ông H toàn bộ tiền gốc và tiền lãi chị có ý kiến như sau: Về tiền gốc chị xác định vợ chồng chị còn nợ ông H 45.000.000đ, chị chấp nhận trả tiền nhưng đề nghị cho vợ chồng chị trả dần 3 tháng trả một lần, mỗi lần một vài triệu cho đến khi trả xong nợ gốc. Về tiền lãi: ông H yêu cầu vợ chồng chị phải trả cho ông tiền

lãi từ ngày 15/11/2016 (dương lịch) đến khi trả xong nợ gốc với mức lãi suất là 1,2%/tháng, về mức lãi xuất và thời hạn tính lãi như vậy chi nhất trí, nhưng do hiện vợ chồng chi làm ăn thua lỗ nên đề nghị ông H miễn tiền lãi cho vợ chồng chi.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh M, chị H trả cho ông số tiền gốc 45.000.000đ và tiền lãi từ ngày 15/11/2016 theo mức lãi suất 1,2%/tháng và phải tiếp tục chịu tiền lãi cho đến khi trả xong nợ gốc.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách trình bày việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng quy định của BLTTDS, người tham gia tố tụng: các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết: đề nghị HĐXX áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 476 BLDS năm 2005; Điều khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H; buộc anh M, chị H phải trả cho ông H, bà L số tiền 45.000.000đ tiền gốc và tiền lãi theo lãi xuất 1,2%/tháng trên nợ gốc kể từ ngày 15/11/2016 cho đến khi trả xong nợ gốc. Về án phí chị H, anh M phải chịu án phí theo quy định, hoàn trả ông H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn anh Phạm Văn M, chị Nguyễn Thị H vắng mặt và có đơn xin vắng mặt; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L vắng mặt nhưng người đại diện theo ủy quyền của bà L có mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1, khoản 2 Điều 228 BLTTDS, xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn phải trả số tiền gốc 45.000.000đ và tiền lãi phát sinh, HĐXX xét thấy:

Đối với yêu cầu đòi tiền gốc: Nguyên đơn ông Nguyễn Bá H, bị đơn chị Nguyễn Thị H đều thống nhất xác định giữa các bên đã thực hiện việc giao kết hợp đồng vay tài sản theo giấy vay tiền ngày 30/12/2015 (âm lịch) (BL02), số tiền 60.000.000đ, khi cho vay hai bên không thỏa thuận thời hạn vay chỉ thỏa thuận khi nào bên cho vay yêu cầu thì bên vay phải trả. Theo yêu cầu của ông H, ngày 2/7/2016 (âm lịch) chị H trả đã trả 15.000.000đ tiền gốc còn nợ lại 45.000.000đ.

Tháng 9/2017 ông H yêu cầu chị H trả tiếp 10 triệu tiền gốc nhưng chị H không trả, sau đó ông H tiếp tục yêu cầu trả toàn bộ tiền gốc nhưng chị H vẫn không trả được. Xét khi tham gia giao kết hợp đồng các bên đều tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của BLDS, các bên không có tranh chấp về các nội dung đã thỏa thuận và thực hiện trong hợp đồng như thời hạn vay, số tiền vay, số tiền đã trả, thời điểm yêu cầu trả tiền và thống nhất xác định đến thời điểm hiện nay số tiền gốc anh M, chị H còn nợ vợ chồng ông H là 45.000.000đ. Ông H yêu cầu vợ chồng anh M phải trả lại cho vợ chồng ông H toàn bộ số nợ gốc nêu trên là có căn cứ. Chị H đề nghị cho vợ chồng chị trả dần tiền gốc 3 tháng trả một lần, mỗi lần một vài triệu cho đến khi trả xong toàn bộ nợ gốc, ông H không đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận lời đề nghị của chị H. Căn cứ quy định tại Điều 351, 357, 463, 466 BLDS buộc anh M, chị H phải trả cho vợ chồng ông H, bà L số tiền nợ gốc nói trên.

Về tiền lãi: nguyên đơn, bị đơn đều trình bày thống nhất khi hai bên thực hiện giao kết hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận vay phải trả lãi theo lãi suất 1,2%/tháng, vợ chồng chị H đã trả lãi đến hết tháng 9/2016 (âm lịch) sau đó không trả lãi theo đúng như thỏa thuận. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi theo mức lãi xuất 1,2%/tháng kể từ ngày 15/11/2016 (dương lịch), bị đơn nhất trí về mức lãi suất, thời hạn tính lãi, tuy nhiên đề nghị nguyên đơn miễn tiền lãi, nguyên đơn không chấp nhận đề nghị này. HĐXX xét thấy khi các bên thực hiện giao dịch vay tiền đã thỏa thuận về nghĩa vụ trả lãi với mức lãi suất 1,2%/tháng, nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi theo mức lãi xuất nêu trên kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả lãi 15/11/2016 (dương lịch) là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005. Bị đơn đề nghị nguyên đơn miễn tiền lãi, nguyên đơn không chấp nhận nên không có căn cứ chấp nhận lời đề nghị của bị đơn. Buộc anh M, chị H phải trả cho vợ chồng ông H, bà L số tiền lãi từ ngày 15/11/2016 đến ngày xét xử 03/8/2018 là 20 tháng 19 ngày bằng 11.142.000đ và phải tiếp tục trả lãi cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông H được chấp nhận nên anh M, chị H phải chịu án phí theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 351, 357, 463, 466, khoản 2 Điều 468, Điều 469, Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 227, khoản

1, khoản 2 Điều 228, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bá H.

1. Buộc anh Phạm Văn M, chị Nguyễn Thị H phải trả cho ông Nguyễn Bá H, bà Nguyễn Thị L số tiền gốc là 45.000.000đ (*Bốn lăm triệu đồng chẵn*) và tiền lãi (tính đến ngày xét xử 03/8/2018) 11.142.000đ (*Mười một triệu một trăm bốn hai nghìn đồng chẵn*), tổng bằng 56.142.000đ (*Năm sáu triệu một trăm bốn hai nghìn đồng chẵn*)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 03/8/2018, anh M, chị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trên nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

2. Án phí: Anh Phạm Văn M, chị Nguyễn Thị H phải chịu 2.807.000đ (*Hai triệu tám trăm linh bảy nghìn đồng chẵn*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Nguyễn Bá H 1.460.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện Nam Sách theo biên lai số AA/2016/0002252 ngày 11 tháng 6 năm 2018.

Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nam Sách;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Đoàn Thị Thu Thúy